

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 55/2025/DS-ST

Ngày: 12 - 9 - 2025

V/v: “T/C HĐ tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Minh Giới;
Ông Nguyễn Thế Tự.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Chi – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 442/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2025/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V

Địa chỉ: Số H L, phường L, quận Đ, Hà Nội (nay là phường Đ, thành phố Hà Nội);

Đại diện theo pháp luật: Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Đại diện hợp pháp:

1. Đỗ Thành T, chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý; là người được ủy quyền khởi kiện và tham gia tố tụng;

2. Vương Lê Vĩnh N, chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ; địa chỉ: Tầng C, số E T, phường C, thành phố Cần Thơ; là người được ủy quyền lại tham gia tố tụng. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Trần Thị Ánh Đ, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số D, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang (nay là xã P, thành phố Cần Thơ). Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty cổ phần M; địa chỉ: Tầng A, tòa nhà C, Số B phố T, phường Y, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Hoàng Anh T1, chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Đoàn Trung H; địa chỉ: Tầng C, số E T, phường C, thành phố Cần Thơ; là người được ủy quyền lại tham gia tố tụng. Có mặt.

2. Ông Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ G, khóm B, hường T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (nay là: Tổ G, khóm B, phường B, tỉnh Vĩnh Long).
Vắng mặt.

3. Văn phòng T2

Địa chỉ: Số A N, phường N, thành phố Cần Thơ. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 11 năm 2024, đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Đỗ Thành T trình bày:

Bị đơn là bà Trần Thị Ánh Đ có xác lập hợp đồng tín dụng để vay vốn của Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền là 1.200.000.000 đồng, theo 02 Hợp đồng tín dụng sau:

1. Hợp đồng tín dụng số: LN2307209778233 ngày 19 tháng 8 năm 2023, số tiền vay là 600.000.000 đồng, thời hạn vay là 84 tháng, lãi suất thỏa thuận là 12,5%/năm và được thả nổi theo thị trường, lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi trong hạn, phương thức trả nợ: Trả gốc và lãi theo định kỳ hàng tháng, mỗi tháng trả 7.143.000 đồng.

2. Hợp đồng tín dụng số: LN2307209777956 ngày 19 tháng 8 năm 2023, số tiền vay là 600.000.000 đồng, thời hạn vay là 84 tháng, lãi suất thỏa thuận là 12,5%/năm và được thả nổi theo thị trường, lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi trong hạn, phương thức trả nợ: Trả gốc và lãi theo định kỳ hàng tháng, mỗi tháng trả 7.143.000 đồng.

Để đảm bảo các khoản vay trên, hai bên đã xác lập Hợp đồng thế chấp tài sản số: LN2307209778233 ngày 15 tháng 8 năm 2023; tài sản thế chấp là: Xe ô tô nhãn hiệu: MERCEDES BENZ, số máy: 27492031688582, số khung: RLMZF4CX0JV002620, màu sơn: Đen, số chỗ ngồi: 05, biển số đăng ký: 95A-106.08.

Quá trình thực hiện hợp đồng, phía bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền là 42.858.000 đồng nợ gốc và 36.413.624 đồng nợ lãi.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn là bà Trần Thị Ánh Đ trả cho nguyên đơn số tiền là 1.328.885.980 đồng, bao gồm: Nợ gốc là 1.157.142.000 đồng, nợ lãi là 171.743.980 đồng, và tiếp tục trả lãi cho đến khi

tất toán; trường hợp bị đơn không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại văn bản ngày 12 tháng 9 năm 2025, đại diện nguyên đơn là ông Vương Lê Vĩnh N yêu cầu Tòa án giải quyết: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn đã bán cho Công ty cổ phần M 90% nợ. Do đó yêu cầu buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 10% nợ là 151.783.868 đồng, trong đó: Nợ gốc là 115.714.200 đồng, nợ lãi là 36.069.668 đồng; trả cho Công ty cổ phần M 90% nợ là 1.366.054.813 đồng, trong đó: Nợ gốc là 1.041.427.800 đồng, nợ lãi là 324.627.013 đồng.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 07 tháng 01 năm 2025 và những lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Trần Thị Ánh Đ trình bày:

Bà có vay tiền của Ngân hàng V 02 khoản cùng ngày 15 tháng 8 năm 2023, cụ thể: Khoản vay 600.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số: LN 2307209778233, thỏa thuận lãi suất là 12,5%/năm tại thời điểm giải ngân và được thả nổi theo thị trường, thời hạn thanh toán là 84 tháng với phương thức trả nợ là trả dần hàng tháng; khoản vay 600.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số: LN 2307209777956 với nội dung thỏa thuận về lãi suất và thời hạn thanh toán như hợp đồng số LN 2307209778233. Khi vay, bà có thể chấp 01 xe ô tô hiệu Mercedes, biển số: 95A-106.08.

Quá trình vay nợ, bà không biết đã trả nợ được bao nhiêu, do khoản vay này bà vay dùm cho em rể của bà là Nguyễn Ngọc H1 nên em rể bà có trả nợ hay không thì bà không biết. Đồng thời, ngày 09 tháng 11 năm 2023, bà và ông H1 đã lập Vi bằng xác nhận tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô hiệu Mercedes nêu trên là của ông H1, do bà đứng tên đăng ký dùm ông H1.

Do các khoản vay trên bà vay dùm cho ông Nguyễn Ngọc H1 nên bà không đồng ý trả nợ.

- Tại văn bản số: 10/TPLKD-VP ngày 29 tháng 7 năm 2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đại diện Văn phòng T2 trình bày:

Tại Vi bằng số 771/2023/VB-TPL ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Văn phòng T2 được xác lập theo yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc H1, có người tham gia lập vi bằng là bà Trần Thị Ánh Đ. Vi bằng này được Văn phòng Thừa phát lại Khánh Dư lập theo đúng quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu của các bên, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Ngọc H1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

- Tại phiên tòa, đại diện Công ty cổ phần M là ông Đoàn Trung H thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn; bị đơn là bà Trần Thị Ánh Đ đồng ý trả cho nguyên đơn 10% nợ, trả cho Công ty M 90% nợ như yêu cầu của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 -Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung vụ án, đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn 10% nợ là 151.783.868 đồng, trong đó: Nợ gốc là 115.714.200 đồng, nợ lãi là 36.069.668 đồng; trả cho Công ty cổ phần M 90% nợ là 1.366.054.813 đồng, trong đó: Nợ gốc là 1.041.427.800 đồng, nợ lãi là 324.627.013 đồng; bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Cần Thơ) theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Ngọc H1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan; đại diện nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đại diện Văn phòng T2 có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, phía nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gồm: Hợp đồng tín dụng số: LN2307209778233 và Hợp đồng tín dụng số: LN2307209777956, cùng ngày 19 tháng 8 năm 2023; Hợp đồng thế chấp tài sản số: LN2307209778233 ngày 15 tháng 8 năm 2023. Chứng minh giao dịch vay tiền với các thỏa thuận về lãi suất và thời hạn thanh toán phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn cũng thừa nhận các khoản vay, việc thế chấp tài sản theo lời trình bày của nguyên đơn, đồng thời không phủ nhận các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án. Do đó, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, có đủ căn cứ xác định: Bị đơn có vay vốn của nguyên đơn với tổng số tiền là 1.200.000.000 đồng theo các Hợp đồng tín dụng số: LN2307209778233

và LN2307209777956, cùng ngày 19 tháng 8 năm 2023, Hợp đồng thế chấp tài sản số: LN2307209778233 ngày 15 tháng 8 năm 2023, đồng thời có thế chấp tài sản là chiếc xe ô tô nhãn hiệu: MERCEDES BENZ, số máy: 27492031688582, số khung: RLMZF4CX0JV002620, màu sơn: Đen, số chỗ ngồi: 05, biển số đăng ký: 95A-106.08 để đảm bảo các khoản vay trên.

[3.2] Xét nội dung các hợp đồng tín dụng số: LN2307209778233 và LN2307209777956, cùng ngày 19 tháng 8 năm 2023 thỏa thuận thời hạn thanh toán là thời hạn thanh toán là 84 tháng. Đến nay, tuy chưa đến thời hạn tất toán, nhưng quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo định kỳ không đầy đủ theo thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trước thời hạn do vi phạm hợp đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã bán cho Công ty cổ phần M 90% nợ theo Hợp đồng mua bán nợ số: 03/2025/VPB-JUPITER ngày 28 tháng 02 năm 2025. Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận bị đơn trả cho nguyên đơn 10% nợ là 151.783.868 đồng, trong đó: Nợ gốc là 115.714.200 đồng, nợ lãi là 36.069.668 đồng; trả cho Công ty cổ phần M 90% nợ là 1.366.054.813 đồng, trong đó: Nợ gốc là 1.041.427.800 đồng, nợ lãi là 324.627.013 đồng. Xét sự thỏa thuận này, Hội đồng xét xử xét thấy: Tuy phía Công ty cổ phần M không có yêu cầu độc lập và không đóng tạm ứng án phí để thực hiện yêu cầu độc lập của mình, nhưng xét giữa nguyên đơn và công ty M đã thỏa thuận bán cho Jupiter 90% nợ, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho công ty M 90% nợ là hoàn toàn tự nguyện và được đại diện Công ty cổ phần M cũng như bị đơn thống nhất nên sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Đối với các giao dịch liên quan đến chiếc xe ô tô nhãn hiệu: MERCEDES, số loại : E200, số máy: 27492031688582, số khung: RLMZF4CX0JV002620, màu sơn: Đen, số chỗ ngồi: 05, biển số đăng ký: 95A-106.08.

Tại Vi bằng số 771/2023/VB-TPL ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Văn phòng T2 được xác lập theo yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc H1, có người tham gia lập vi bằng là bà Trần Thị Ánh Đ đối với “Văn bản thỏa thuận về việc đứng tên giùm tài sản” lập ngày 09 tháng 11 năm 2023 giữa ông Nguyễn Ngọc H1 và bà Trần Thị Ánh Đ về sự kiện pháp lý “Các bên xác nhận tài sản là xe ô tô có biển kiểm soát 95A-106.08 thực tế là tài sản của bên A (ông Nguyễn Ngọc H1), bên B (bà Trần Thị Ánh Đ) chỉ thay mặt bên A đứng tên trên các giấy tờ về pháp lý”. Xét đây là tài sản do bị đơn đăng ký quyền sở hữu, đã được thế chấp cho nguyên đơn để đảm bảo các khoản vay nêu trên, đồng thời việc bị đơn vay vốn của nguyên đơn nhằm mục đích mua sắm chiếc xe này. Tại thời điểm ông Nguyễn Ngọc H1 và bị đơn lập vi bằng xác định chiếc xe này thuộc quyền sử

hữu của ông Nguyễn Ngọc H1 thì chiếc xe này đang thế chấp cho nguyên đơn, nhưng việc lập vi bằng không có ý kiến của nguyên đơn, không có giấy tờ bản gốc chứng minh quyền sở hữu; thỏa thuận giữa ông Nguyễn Ngọc H1 và bị đơn Trần Thị Ánh Đ là sự kiện, hành vi không có thật, nhằm trốn tránh nghĩa vụ của bị đơn đang được bảo đảm bằng tài sản thế chấp được ghi nhận tại Vi bằng số 771/2023/VB-TPL ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Văn phòng T2. Nhưng Văn phòng T2 lập Vi bằng ghi nhận sự kiện pháp lý trên là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 36 và khoản 5 Điều 37 của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Chính Phủ.

Do đó, cần tuyên bố hành vi, sự kiện pháp lý tại “Văn bản thỏa thuận về việc đứng tên giữ tài sản” lập ngày 09 tháng 11 năm 2023 giữa ông Nguyễn Ngọc H1 và bà Trần Thị Á, được ghi nhận tại Vi bằng số 771/2023/VB-TPL ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Văn phòng T2 vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội; buộc ông Nguyễn Ngọc H1 giao trả lại cho bị đơn Trần Thị Ánh Đ chiếc xe ô tô nhãn hiệu: MERCEDES, số loại: E200, số máy: 27492031688582, số khung: RLMZF4CX0JV002620, màu sơn: Đen, số chỗ ngồi: 05, biển số đăng ký: 95A-106.08; đồng thời ghi nhận cho nguyên đơn và Công ty cổ phần M được quyền yêu cầu xử lý tài sản này để thu hồi nợ nếu bị đơn không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ.

[5] Từ những phân tích trên, xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí và chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí có giá ngạch và toàn bộ chi phí thẩm định giá tài sản. Đối với chi phí thẩm định giá tài sản, do nguyên đơn đã nộp tạm ứng toàn bộ chi phí là 10.250.000 đồng nên bị đơn phải nộp toàn bộ số tiền này để giao trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 91, 92, 144, 147, 165, 166, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 123, 131, 280, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 91, 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 210 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn, bị đơn và đại diện Công ty M, buộc bị đơn là bà Trần Thị Ánh Đ có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần V (do ông Đỗ Thành T và ông Vương Lê Vĩnh N đại diện) 10% nợ là 151.783.868 đồng (một trăm năm mươi một triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn tám trăm sáu mươi tám đồng), trong đó: Nợ gốc là 115.714.200 đồng, nợ lãi là 36.069.668 đồng; trả cho Công ty cổ phần M (do ông Hoàng Anh T1 và ông Đoàn Trung H đại diện) 90% nợ là 1.366.054.813 đồng (một tỷ ba trăm sáu mươi sáu triệu không trăm năm mươi bốn nghìn tám trăm mười ba đồng), trong đó: Nợ gốc là 1.041.427.800 đồng, nợ lãi là 324.627.013 đồng.

1.2. Tuyên bố: “Văn bản thỏa thuận về việc đứng tên giùm tài sản” lập ngày 09 tháng 11 năm 2023 giữa ông Nguyễn Ngọc H1 và bà Trần Thị Ánh Đ, được ghi nhận tại Vi bằng số 771/2023/VB-TPL ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Văn phòng T2 vô hiệu. Buộc ông Nguyễn Ngọc H1 có nghĩa vụ giao trả cho bà Trần Thị Ánh Đ 01 (một) chiếc xe ô tô nhãn hiệu: MERCEDES, số loại: E200, số máy: 27492031688582, số khung: RLMZF4CX0JV002620, màu sơn: Đen, số chỗ ngồi: 05, biển số đăng ký: 95A-106.08.

1.3. Trường hợp bà Trần Thị Ánh Đ không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần V và Công ty cổ phần M có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu: MERCEDES, số loại: E200, số máy: 27492031688582, số khung: RLMZF4CX0JV002620, màu sơn: Đen, số chỗ ngồi: 05, biển số đăng ký: 95A-106.08 để đảm bảo thu hồi nợ.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Ánh Đ phải chịu 57.535.000 đồng (năm mươi bảy triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng Thương mại cổ phần V (do ông Đỗ Thành T và ông Vương Lê Vĩnh N đại diện) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.933.000 đồng (hai mươi lăm triệu chín trăm ba mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001611 ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 13-Cần Thơ).

3. Về chi phí tố tụng: Bà Trần Thị Ánh Đ phải nộp số tiền chi phí thẩm định giá tài sản là 10.250.000 đồng (mười triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) để giao trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V (do ông Đỗ Thành T và ông Vương Lê Vĩnh N đại diện).

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật (mức lãi suất các bên thỏa thuận là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng hoặc tại Tòa án. Trường hợp, các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn).

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 13-Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Hữu Thắng